

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/HS-PT
Ngày: 06-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo **Trần Tuấn C** do có kháng cáo của ông **Phạm Kim C1** là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2023/HS-ST ngày 12-09-2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Bị cáo (không có kháng cáo):

Trần Tuấn C, sinh năm 1968; nơi cư trú: **số E T, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: công chức lái xe (đã nghỉ việc); trình độ học vấn: lớp 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: công giáo; con ông: **Trần Tuấn G** và bà **Vũ Thị L**; vợ: **Trần Thị T**; con: có hai người con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Ông **Phạm Kim C1**, sinh năm 1972; địa chỉ: **ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre**; tạm trú: **ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre**;

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông **Phạm Kim C1**:* Ông **Lê Hữu T1**, sinh năm 1984; nơi cư trú: **số E, Ấp B, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre**, có mặt.

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Phạm Kim C1**:* Ông **Nguyễn Văn T2** là Luật sư – Văn phòng Luật sư **Nguyễn Văn T2 – Đoàn Luật sư Tỉnh B**, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo: Toà án

nhân dân tỉnh Bến Tre; Địa chỉ: D, đường Đ, khu phố M, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang S – Chánh án;

Người đại diện theo uỷ quyền:

1. Ông Phan Tuấn N, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre – Hiện là công chức Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre, có mặt;

2. Ông Nguyễn Minh T3, sinh năm 1978; Địa chỉ: số A, khu phố C, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre – Hiện là công chức Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 10 phút ngày 19/01/2022, sau khi có uống rượu, Trần Tuấn C, sinh năm 1968, nơi cư trú: số E T, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre điều khiển xe ô tô biển số 71A-002.09, loại 16 chỗ (xe thuộc quyền quản lý và sử dụng của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre), chở những người ngồi trên xe gồm: ông Phạm Kim C1, sinh năm 1972, nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Bến Tre (nguyên Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre) và bà Huỳnh Thị Mộng H, sinh năm 1984, nơi cư trú: số A N, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre), lưu thông trên Quốc lộ E hướng từ thị trấn B đi cầu A. Khi đi đến Km số 55+750 thuộc ấp L, xã L thì giữa ông C và ông C1 xảy ra mâu thuẫn, cự cãi dẫn đến đánh nhau. Ông C1 dùng tay phải đánh 01 cái vào vùng má phải của ông C, ngay lập tức ông C buông tay lái quay về phía sau đánh lại ông C1 nhưng không trúng. Lúc này, xe mất lái, tăng tốc chuyển hướng đột ngột vào lề phải, va chạm vào hàng rào trước nhà của ông Võ Hoàng D, sinh năm 1959, gây tai nạn giao thông. Hậu quả: xe ô tô hư hỏng nặng phần đầu xe, bà H bị đa chấn thương vùng chân phải, ông C bị thương tích nhẹ, ông C1 không bị thương tích.

Ngay sau khi tai nạn giao thông xảy ra, lực lượng Cảnh sát giao thông đã tiến hành đo nồng độ cồn trong khí thở của bị cáo Trần Tuấn C, kết quả đo được là 0.463 mg/01 khí thở.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 19/01/2022 và biên bản thực nghiệm điều tra ngày 15/09/2022 ghi nhận nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ trên Quốc lộ E thuộc ấp L, xã L hướng từ thị trấn B đi cầu A. Toàn bộ hiện trường nằm bên trong lề gia cố phần đường bên phải hướng từ thị trấn B đi cầu A hướng xe lưu thông. Tại hiện trường có nhiều mảnh vỡ, có 01 trụ cổng rào bằng bê

tông bị vỡ là cổng nhà của ông **Võ Hoàng D** có kích thước 2,6m x 0,50m x 0,50m; có 01 vết cày chiều hướng từ bên trong lề gia cố đến mép đường chuẩn kích thước 4m x 0,4m; 01 bánh xe ô tô sút rời khỏi trục tâm bánh xe; xe ô tô biển số 71A-002.09 trạng thái đang đỗ, đầu xe quay vào tường rào nhà ông **Võ Hoàng D**, có dấu vết bị vỡ, đuôi xe quay ra hướng mép đường chuẩn, bị sút rời bánh trước bên phải, phần đầu xe, thân xe có dấu vết bị thủng, bể hoàn toàn.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 150-622/TgT ngày 10/6/2022 của **Trung tâm pháp y tỉnh B**, kết luận thương tích của **Huỳnh Thị Mộng H** như sau:

“ 1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương 1/3 dưới đùi phải 03cm x 02 cm chảy máu vầng mỡ.
- Vết thương 1/3 dưới cẳng chân phải 04cm x 02cm chảy máu vầng mỡ. ...
- Vết thương phức tạp bàn chân phải 10cm x 10cm dập nhiều mô, lộ gân xương.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích tại thời điểm giám định là 62%.

- Cơ chế hình thành các thương tích trên cơ thể bà **Huỳnh Thị Mộng H**: do tác động của ngoại lực gây ra.”

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 53-0322/TgT ngày 09/3/2022 của **Trung tâm pháp y tỉnh B**, kết luận thương tích của bị cáo **Trần Tuấn C**, như sau:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương trán khoảng 03cm đã khô, hiện lành sẹo, kích thước: 05cm x 0,2m: 03%, cơ chế hình thành thương tích do vật sắc-nhọn gây ra.
- Sưng má phải khoảng 02cm x 02cm, đã hết không để lại vết tích: 00%, cơ chế hình thành thương tích do vật tày gây ra.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là: 03%.”

Tại Công văn số 2496/SYT/HĐCM ngày 19/7/2022 của Hội đồng chuyên môn, **Sở Y tế tỉnh B** trả lời nội dung yêu cầu của Cơ quan điều tra “Nếu con người dùng tay đánh sưng má phải khoảng 02cm x 02cm, đã hết không để lại vết tích: 00%, cơ chế hình thành thương tích do vật tày gây ra của **Trần Tuấn C** có gây nên hiện tượng vô thức (bất tỉnh) cho **Trần Tuấn C** khi đang điều khiển xe tham gia lưu thông hay không?”, như sau:

“... - Nếu lực tác động nhẹ (không đáng kể) sẽ không gây nên hiện tượng vô thức (bất tỉnh), mất khả năng điều khiển hành vi.

- Nếu lực tác động mạnh có thể gây nên hiện tượng vô thức (bất tỉnh), mất khả năng điều khiển hành vi (chấn động não kèm mất tri giác).

Mặt khác cơ địa và sức chịu đựng của mỗi người khác nhau nên đáp ứng đối với tác động ngoại lực khác nhau”.

Bị cáo **Trần Tuấn C** cho rằng ngay sau khi bị ông **Phạm Kim C1** đánh thì bị cáo rơi vào trạng thái vô thức. Tuy nhiên, kết quả thực nghiệm điều tra, lời khai của những người có liên quan, kết luận giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể vùng má phải của **Trần Tuấn C**, ý kiến của Hội đồng chuyên môn **Sở Y tế tỉnh B**, đủ cơ sở chứng minh: Ngay sau khi bị ông **C1** đánh, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình, tự bỏ tay ra khỏi vô lăng xe, xoay người về phía sau theo hướng từ trái qua phải đánh nhau với ông **C1** làm cho chân trái của bị cáo va chạm với vô lăng xe dẫn đến mất lái gây tai nạn giao thông.

Vật chứng thu giữ: 01 giấy phép lái xe hạng A1, D số: 830907000007 do **Sở giao thông vận tải tỉnh B** cấp ngày 19/5/2020 cho **Trần Tuấn C**, sinh năm 1968, nơi cư trú: **số E T, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre**.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 40/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Tuấn C** phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Tuấn C** 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Giao bị cáo **Trần Tuấn C** cho Ủy ban nhân dân phường A, **Thành phố B, tỉnh Bến Tre** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, 92 Luật thi hành án hình sự

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 32, Điều 41, khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự cấm bị cáo **Trần Tuấn C** hành nghề lái xe ô tô thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 590, khoản 1, 2 Điều 601 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo **Trần Tuấn C** phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm cho bà **Huỳnh Thị Mộng H** số tiền còn lại là 441.957.595 đồng.

(Bốn trăm bốn mươi một triệu chín trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bà Huỳnh Thị Mộng H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Trần Tuấn C chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

Ghi nhận việc ông Phạm Kim C1 đã tự nguyện bồi thường cho bà Huỳnh Thị Mộng H số tiền là 120.000.000 đồng.

Ghi nhận ông Võ Hoàng D không yêu cầu gì thêm đối với phần hàng rào nhà bị thiệt hại nên không xét đến.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Kim C1 đối với Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về việc yêu đòi lại tài sản số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi suất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 25/9/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Kim C1 kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm: ghi nhận ông cho cô H 120.000.000 đồng; buộc Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre trả lại cho ông 500.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày ông giao tiền cho đến khi vụ án được giải quyết xong. Cụ thể: ngày 11/7/2022 ông giao 265.000.000 đồng. Ngày 06/9/2022 ông giao 235.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của ông Phạm Kim C1 trình bày: ông C1 không tự nguyện bồi thường tiền sửa xe cho Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nhưng Toà án cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của ông C1 là không đúng, Ông C1 hỗ trợ cho cô H 120.000.000 đồng chứ không bồi thường cho cô H vì ông C1 không có nghĩa vụ bồi thường cho cô H. Ông rút yêu cầu kháng cáo về yêu cầu tính lãi đối với số tiền 500.000.000 đồng từ ngày giao tiền cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

- Người đại diện hợp pháp của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre trình bày: Chi phí sửa chữa xe ô tô biển số 71A-002.09 là do ông Phạm Kim C1 tự nguyện khắc phục, không có sự ép buộc nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Kim C1.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm trong hạn đúng quy định của

pháp luật. Đối với kháng cáo của ông **C1** về phần trách nhiệm dân sự đối với chi phí sửa chữa xe ô tô biển số 71A-002.09 của Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre mà Toà án nhân dân huyện Bình Đại cho rằng do ông **Phạm Kim C1** tự nguyện khắc phục sửa chữa không trái pháp luật nên yêu cầu đòi lại số tiền 500.000.000 đồng đối với Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre không được chấp nhận là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông **Phạm Kim C1**, sửa bản án sơ thẩm số 40/2023/HS-ST ngày 12/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre về phần trách nhiệm dân sự: Chấp nhận yêu cầu của ông **Phạm Kim C1**, Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre có trách nhiệm trả lại số tiền 500.000.000 đồng mà ông **C1** tạm ứng sửa chữa xe ô tô biển số 71A-002.09. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Kim C1** phát biểu tranh luận: Tại cơ quan điều tra chưa khẳng định ai đúng, ai sai, việc bồi thường là bình thường, đến khi có kết luận cuối cùng xác định ông **C** có lỗi, ông **C1** không có lỗi. Đề nghị ghi nhận hỗ trợ chi phí cho bà **H** là có cơ sở, ông **C1** là người có liên quan trong vụ án chứ không phải là người có lỗi trong vụ án này. Kháng cáo của ông **C1** sử dụng hai từ hỗ trợ là phù hợp. Đối với yêu cầu đòi Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre trả số tiền 500 triệu. Trước khi cơ quan điều tra làm rõ sự việc ai đúng, ai sai chưa biết nhưng ông **C1** bỏ tiền ra sửa chữa, ông **C1** với vai trò Phó Chánh án, là lãnh đạo của Toà án, có trách nhiệm bỏ tiền ra, vì ông **C1** có đi trên xe, sau khi sửa chữa xác định ai có lỗi thì buộc bên đó trả tiền. Ông **C1** không có trách nhiệm bồi thường nên buộc Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre trả lại số tiền trên là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **C1**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Kim C1**, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông **Phạm Kim C1**, người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Phạm Kim C1** rút kháng cáo về yêu cầu tính lãi suất của số tiền 500 triệu đồng kể từ ngày ông **C1** giao tiền nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của ông **Phạm Kim C1** đối với kháng cáo về phần tiền lãi suất là phù hợp Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Hồ sơ vụ án thể hiện: Vào lúc 20 giờ 10 phút ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại **ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre**, **Trần Tuấn C** đã có hành vi điều khiển xe ô tô mang biển số 71A-002.09 (thuộc quyền quản lý sử dụng của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre) sau khi đã có sử dụng rượu, đánh nhau khi đang lái xe, gây tai nạn giao thông, dẫn đến bà **Huỳnh Thị Mộng H** bị tổn thương cơ thể 62%. Với ý thức, hành vi và hậu quả mà bị cáo **Trần Tuấn C** đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Trần Tuấn C** phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với tình tiết định khung “Trong tình trạng có sử dụng rượu mà trong hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông **Phạm Kim C1** về phân trách nhiệm dân sự, thấy rằng:

- Ông **Phạm Kim C1** yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trả lại cho ông chi phí sửa chữa xe ô tô 71A-002.09 với số tiền 500.000.000 đồng. Thấy rằng:

Sau khi tai nạn xảy ra, ông **Phạm Kim C1** đồng ý khắc phục, sửa chữa xe ô tô biển số 71A-002.09 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị hư hỏng với số tiền là 500.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện, không bị ai ép buộc hoặc bị nhầm lẫn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “ .. *mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được các chủ thể khác tôn trọng...*”.

Tại bút lục số 475 Biên bản ghi lời khai ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện B** ghi lời khai của ông **Phạm Kim C1** có nội dung: “*Tôi thấy trách nhiệm của tôi là phải lo sửa chữa xe cho cơ quan, lo chi phí điều trị vết thương của cô H và chịu trách nhiệm trước cơ quan.....*”.

Tại bút lục 492 Biên bản ghi lời khai ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện B** ghi lời khai của ông **Phạm Kim C1** có nội dung: “....*Tôi đã bồi thường chi phí điều trị cho cô H với số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Tôi đã chi trả phí sửa chữa xe ô tô mang biển số 71A-002.09 với số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng).....*”.

Tại bút lục số 776 ông **C1** đã bồi thường cho ông **Võ Hoàng D** số tiền

8.500.000 đồng.

Qua đó nhận thấy ông **C1** đã mong muốn khắc phục hậu quả bằng cách bồi thường thiệt hại và ông đã tự nguyện thực hiện xong. Toà án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của ông **Phạm Kim C1** đối với Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre về yêu cầu đòi lại số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi suất là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên.

- Ông **C1** yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm ghi nhận ông cho bà **H** 120.000.000 đồng chứ không phải bồi thường cho bà **H**. Thấy rằng, tại bút lục 492 Biên bản ghi lời khai ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện B** ghi lời khai của ông **Phạm Kim C1** có nội dung: “Đối với số tiền 120.000.000 đồng, tôi đã bồi thường cho có **H** tôi không yêu cầu **H** trả lại cho tôi.”. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã ghi nhận việc ông **Phạm Kim C1** tự nguyện bồi thường cho bà **Huỳnh Thị Mộng H** số tiền 120.000.000 đồng là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, thấy rằng bản án sơ thẩm đã xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ để không chấp nhận yêu cầu của ông **Phạm Kim C1** là phù hợp. Kháng cáo của ông **C1** không có chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử;

[5] Về hình phạt đối với bị cáo **Trần Tuấn C**, trách nhiệm dân sự của bị cáo **Trần Tuấn C**, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn, xử lý vật chứng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật nên không xem xét.

[6] Về án phí, ông **Phạm Kim C1** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo phần quyết định về dân sự không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Kim C1** đối với kháng cáo về phần tiền lãi suất;

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Kim C1**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 590, khoản 1 Điều 601; Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Ghi nhận ông **Phạm Kim C1** đã tự nguyện bồi thường cho bà **Huỳnh Thị Mộng H** số tiền là 120.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của ông **Phạm Kim C1** đối với Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre về việc yêu cầu đòi lại tài sản số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi suất.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Kim C1** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007590 ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân huyện Bình Đại (3b);
- VKSND huyện Bình Đại (1b);
- Công an huyện Bình Đại (1b);
- NCQLNVLQ (2b);
- Chi cục THADS h. Bình Đại (1b);
- UBND phường An Hội, Tp. Bến Tre (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tòng